

Bản án số: 256/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 11 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Lê V, sinh năm 1988

Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Tạ Thị U, sinh năm 1988

Cư trú tại: Ấp Tân Hồng, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2018, trong quá trình giải quyết và xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Lê V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị U kết hôn vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm thường hay cự cãi, mâu thuẫn đã được thân tộc hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, nên vào năm 2015 chị U bỏ nhà đi không về, không lo cho cuộc sống gia đình và vợ chồng đã ly thân gần 03 năm. Nay anh thấy cuộc sống gia đình không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu Tòa án cho ly hôn với chị U.

Về nuôi con chung: Tên Nguyễn Phúc An, sinh ngày 26/10/2014, khi ly hôn anh đồng ý giao Nguyễn Phúc A cho chị Tạ Thị U nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh V thay đổi yêu cầu về nuôi con chung. Khi ly hôn anh V và chị U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Anh V xác định không có nợ ai và không ai nợ.

Đối với bị đơn chị Tạ Thị U: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị U theo quy định pháp luật nhưng chị U không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Tạ Thị U là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng chị U vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị U.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Lê V và chị Tạ Thị U kết hôn vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Hiện nay vợ chồng đã ly thân gần 03 năm. Tại phiên tòa anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị U. Do anh V và chị U không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử không công nhận anh V và chị U là vợ chồng.

[2] *Về nuôi con chung:* Vào ngày 19/10/2018 anh V thay đổi yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về chia tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ người khác và người khác nợ lại:* Anh V xác định không có nợ ai và không ai nợ.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, anh V phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Lê V và chị Tạ Thị U.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh V phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010384 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Phong Phạm Thị Hà

Ngô Giang Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 11 năm 2018

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phong và bà Phạm Thị Hà

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 494/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Lê Vi, sinh năm 1988

Bị đơn: Chị Tạ Thị Út, sinh năm 1988

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1/ Về điều luật căn cứ:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

2/ Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Lê Vi và Tạ Thị Út.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

3. Các vấn đề khác:

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Vi phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010384 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Vi đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Anh Vi có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Út có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 08 tháng 11 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Phong Phạm Thị Hà

Ngô Giang Nam

